

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2022

***Về việc tranh chấp ly hôn***

***và nuôi con khi ly hôn***

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**Ông Trần Văn Phước**

**Bà Nguyễn Hồng Lành**

***Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên*** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 122/2021/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021, về việc: "***Tranh chấp ly hôn và nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa:

***Nguyên đơn: Chị Trương Th Ng*** – sinh năm 1987. Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã M H, huyện Ph, tỉnh Tr (Vắng mặt tại phiên tòa).

***Bị đơn: Anh Đoàn Q Đ*** – sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp Ph, thị trấn L, huyện Ph, tỉnh B (Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2021, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ng trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng trình chị và anh Đ được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân X cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2009. Trong

thời gian sống chung chị Ng và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại chị Ng không còn tình cảm với anh Đ, nên chị Ng yêu cầu ly hôn anh Đ.

- Về con: Trong thời gian sống chung chị Ng và anh Đ có hai con chung là cháu Đoàn C Th – sinh ngày 09/4/2009 và Đoàn G Q – sinh ngày 14/8/2013. Hai con đang sống cùng chị Ng, chị Ng yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng xác định chị và anh Đ không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Lời trình bày của bị đơn:* Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do; Anh Đ không có đơn đề nghị vắng mặt, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Ng.

\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Đ chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Cho chị Ng ly hôn anh Đ; Giao hai con chung là Đoàn C Th – sinh ngày 09/4/2009 và Đoàn G Q – sinh ngày 14/8/2013 cho chị Ng trực tiếp nuôi; Tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết; Chị Ng phải chịu án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Ng yêu cầu ly hôn anh Đ, nơi cư trú của anh Đ tại thị trấn Phước Long, huyện Phước Long; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng và anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

- Chị Ng xác định chị và anh Đ tự nguyện sống chung từ năm 2007 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long

cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại chị Ng không còn tình cảm với anh Đ, nên yêu cầu ly hôn anh Đ.

- Về phía anh Đ: Ngay từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và có văn bản triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, anh Đ đã biết được yêu cầu của chị Ng tại Tòa án đối với anh, nhưng anh không đến Tòa án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của anh Đ đối với yêu cầu của chị Ng. Điều này chứng tỏ anh Đ đã bỏ mặt cuộc hôn nhân của anh và chị Ng, không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Ng.

- Từ việc chị Ng xác định không còn tình cảm với anh Đ, cương quyết muốn ly hôn anh Đ, còn anh Đ thì không đến Tòa án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án, cho thấy hôn nhân của anh Đ và chị Ng đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng đối với anh Đ, chị Ng được ly hôn với anh Đ.

**[4] Về con chung:**

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Trong thời gian chị Ng và anh Đ sống chung có hai người con chung là Đoàn C T – sinh ngày 09/4/2009 và Đoàn G Q – sinh ngày 14/8/2013, chị Ng yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không có ý kiến gì về con chung, còn hai cháu Th và Q thì có nguyện vọng được sống chung chị Ng và hiện tại cháu Th và cháu Q cũng đang sống chung chị Ng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên và đảm bảo cuộc sống của các cháu được ổn định, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Đoàn C T và cháu Đoàn G Q cho chị Ng trực tiếp nuôi khi ly hôn; Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Do chị Ng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**[5] Về tài sản và nợ chung:** Chị Trương Th Ng xác định chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung; Anh Đoàn Q Đ không có yêu cầu về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.**

**[7] Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm:** Buộc chị Trương Th Ng chịu án phí số tiền 300.000đ, chị Ng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, chuyên thu án phí. Anh Đoàn Q Đ không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;  
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trương Th Ng đối với anh Đoàn Q Đ.

1. Về hôn nhân: Chị Trương Th Ng được ly hôn anh Đoàn Q Đ.

2. Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao hai con chung là Đoàn C Th – sinh ngày 09 tháng 4 năm 2009 và Đoàn G Q – sinh ngày 14 tháng 8 năm 2013 cho chị Ng trực tiếp nuôi; Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Th Ng không yêu cầu anh Đoàn Q Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị Trương Th Ng phải chịu án phí số tiền 300.000đ, chị Ng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0004859 ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long số tiền 300.000đ, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ.

- Anh Đoàn Q Đ không phải chịu án phí.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

-TAND tỉnh Bạc Liêu;  
-VKSND huyện Phước Long;  
- Chi cục THADS huyện Phước Long;  
- Các đương sự;  
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phan Thị Đang**